

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THÀNH PHỐ THỦ ĐỨCĐộc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đinh Khắc Hưng

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Bà Nguyễn Thị Hương;

2/ Bà Phan Thị Mai Hương.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Hoàng Quân – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát Nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Trần Ngọc N - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án Nhân dân thành phố Thủ Đức, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 35/2024/TLST-HS ngày 22/01/2024; Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 90/QĐXXST-HS ngày 27/02/2024 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Văn C, sinh năm 1975; Nơi sinh: tại Thành phố Hồ Chí Minh; CCCD: 079075004743; Thường trú: 4/6 tổ H, khu phố A, phường T, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa: 4/12; dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn D (đã chết) và bà Nguyễn Thị K (đã chết); Tiền án: 01 Theo Bản án số 172/HSST ngày 21/9/2011 của Tòa án Nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 03 năm 06 tháng tù về tội “Tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy”. Nguyễn Văn C không chấp hành Quyết định thi hành án về phần án phí; Tiền sự: không; Nhân thân: 01 Theo Bản án số 17/HSST ngày 07/01/1997 của Tòa án Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 07 năm tù về tội “Cướp tài sản”; 02 Theo Bản án số 88/HSST ngày 15/3/2016 của Tòa án Nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 02 năm 06 tháng tù về tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Qua xác minh, Cơ quan Thi hành án dân sự chưa ra Quyết định thi hành án về phần án phí đối với Nguyễn Văn C. Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 60 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 thì hết thời hiệu thi hành bản án; Tạm giam, tạm giữ từ ngày 21/02/2023. (có mặt).

2. Trần Ngọc P, sinh năm 1986; Nơi sinh: tại Thành phố Hồ Chí Minh; Thường trú: H đường C, Khu phố B, phường B, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa: 3/12; dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần Văn X (đã chết) và bà Nguyễn Thị H;

Tiền án: 01 Theo Bản án số 46/HSST ngày 20/4/2018 của Tòa án Nhân dân Quận 9 (nay là thành phố T) xử phạt 01 năm 6 tháng tù về tội: “*Trộm cắp tài sản*”. Bị cáo chưa đóng án phí và phần bồi thường dân sự nên chưa xóa án tích; Tiền sự: Không; Nhân thân: Theo Bản án số 109/HSST ngày 18/8/2016 của Tòa án Nhân dân Quận 9 (nay là thành phố T) xử phạt 10 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”; Ngày 17/4/2020, Công an Q (nay là Công an thành phố T) bắt về hành vi “*Sử dụng trái phép chất ma túy*”, Tòa án Nhân dân Quận 2 (nay là thành phố T) xử đưa vào cơ sở chữa bệnh bắt buộc 24 tháng, theo Quyết định số 81/QĐ-TA ngày 15/7/2020; Tạm giam, tạm giữ từ ngày 21/02/2023. (có mặt).

3. Ngô Quang H1 (tên gọi khác N1), sinh năm 1966; Nơi sinh: tại Hồ Chí Minh; CCCD: 079066005862; *Thường trú*: 67 Ký Con, T, phường N, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: buôn bán; Trình độ văn hóa: 7/12; dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần Văn T (đã chết) và bà Ngô Thị H2 (đã chết); Vợ: Bùi Thị Mỹ N2, có 03 người con, con nhỏ nhất sinh năm 2007; Tiền án, tiền sự: Không; Bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. (có mặt).

Người bào chữa cho bị cáo Ngô Quang H1 có luật sư Bùi Duy T1 thuộc Đoàn luật sư Thành phố H. (có mặt).

Người bị hại:

- Bà Nghiêm Mộng H3, sinh năm 1957

Thường trú: 27 N, khu phố C, phường A, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt).

- Anh Trần Anh T2, sinh năm 1965

Thường trú: D chung cư F, khu phố A, phường T, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt).

- Anh Võ Tuấn Anh V, sinh năm 1975

Địa chỉ: A, khgu phố B, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. (vắng mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Chị Dương Thị Ngọc B, sinh năm 1979

Địa chỉ: ấp P, xã Đ, huyện N, tỉnh Đồng Nai. (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 8 giờ 00 phút ngày 20/02/2023, Nguyễn Văn C đi xe ôm đến nhà Trần Ngọc P rủ P đi uống cà phê thì P đồng ý nên P dẫn xe mô tô Wave màu đỏ đen biển số 60Y8 - 1985 ra cùng đi. C điều khiển xe mô tô biển số 60Y8 - 1985 chở P vừa qua cầu G hướng Nguyễn Thị Đ ra M thì P kêu C đổi tài. Lúc này, bà Nghiêm Mộng H3 đi bộ ngang qua, P nhìn thấy trên cổ bà H3 có đeo sợi chuyền bằng kim loại màu vàng nên chỉ cho C thấy và nói: “*Có người đi bộ đeo sợi dây chuyền kìa anh ơi, để em tấp xe vô rồi anh giật nha?*” thì C nói: “*Cứ chạy sát ngang qua đi rồi tao giật cho*” rồi P điều khiển xe mô tô chở C đến trước nhà số A, Nguyễn Thị Đ, khu phố C,

phường A, thành phố T, áp sát bên trái bà H3 để C ngồi phía sau dùng tay phải giật lấy sợi dây chuyền của bà H3 làm sợi dây chuyền bị đứt rơi dính vào cổ áo của bà H3, đồng thời làm bà H3 ngã xuống đường, rồi P tăng ga bỏ chạy. Sau đó, bà H3 đến Công an phường A trình báo sự việc. Sau khi sự việc xảy ra, P chở C đi vòng quanh khu vực thành phố T, khi đang lưu thông trên đường M thuộc phường A, thành phố T thì bị tổ tuần tra Công an thành phố T dừng xe kiểm tra đưa về trụ sở làm việc.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố T, Nguyễn Văn C, Trần Ngọc P khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Ngoài ra, P và C còn khai nhận hành vi trộm cắp tài sản, cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Ngày 13/02/2023, P đang ở nhà thì C điều khiển xe mô tô hiệu Honda Futrure màu xám (không nhớ biển số) đến nhà rủ P đi chơi, khi P và C điều khiển xe mô tô đến trước khu đất trống tại cột đèn số I đường B, khu phố A, phường T, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh thì phát hiện xe ô tô hiệu Volvo màu đỏ biển số 51K - 029.15 của anh Trần Anh T2 đang đậu ngoài đường không có người trông coi, P nói C dừng cách xe ô tô khoảng 05 m, P đi bộ đến xe ô tô biển số 51K - 029.15 dùng tay tháo hai tròng kính chiếu hậu rồi cùng với C tẩu thoát. Sau đó, P và C đem hai tròng kính xe ô tô vừa trộm được đến cửa hàng phụ tùng xe ô tô “Thanh Nhân” số 67 Ký Con, phường N, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh bán cho Ngô Quang H1 được 400.000 đồng. P và C chia nhau mỗi người 200.000 đồng tiêu xài cá nhân hết.

Vụ thứ hai: Khoảng 08 giờ 00 phút ngày 19/02/2023, P rủ C đi tìm tài sản của người khác sơ hở để trộm bán lấy tiền chia nhau tiêu xài thì C đồng ý. P điều khiển xe mô tô hiệu Honda Wave màu đỏ đen biển số 60Y8-1985 chở C đi vòng quanh các tuyến đường thuộc thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh tìm tài sản để trộm cắp. Khi đến trước nhà số A đường A, khu phố A, phường T, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh thì phát hiện xe ô tô hiệu Mercedes màu trắng biển số 50LD - 133.47 của anh Võ Tuấn A V đang đậu phía trước không có người trông coi, P dùng xe cách xe ô tô khoảng 07 đến 08 m, C ngồi trên xe cảnh giới, P đi bộ đến xe ô tô biển số 50LD-133.47 dùng tay tháo hai tròng kính chiếu hậu của xe ô tô trên rồi lên xe C chở đi. Sau đó đem bán cho Ngô Quang H1 được 400.000 đồng. P và C chia nhau mỗi người 200.000 đồng tiêu xài cá nhân hết.

Ngoài ra, khoảng 09 giờ 00 phút ngày 19/02/2023, P cùng C còn trộm cắp 02 tròng kính chiếu hậu của xe ô tô hiệu Lexus màu bạc (không rõ biển số, người bị hại chưa trình báo sự việc) tại khu đô thị S, góc ngã tư đường N và đường D, phường A, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh. Đến khoảng 10 giờ 00 phút ngày 20/02/2023, P điều khiển xe biển số 60Y8-1985 chở C đến cửa hàng phụ tùng xe ô tô “Thanh Nhân” số 67 Ký Con, phường N, Quận A bán cho Ngô Quang H1 một cặp tròng kính xe ô tô hiệu Mercedes, một cặp tròng kính xe ô tô hiệu Lexus với giá 400.000 đồng. P và C chia nhau mỗi người 200.000 đồng tiêu xài cá nhân hết.

Ngô Quang H1 khai nhận biết rõ những tròng kính xe ô tô trên do P thực hiện hành vi phạm tội mà có là vì P đã đến cửa hàng “*Thanh N3*” bán cho H1 được khoảng 5 đến 6 lần, với mỗi tròng kính xe ô tô các loại khác nhau, toàn là loại kính chiếu hậu của các ô tô hạng sang, khi thì P bán một cái, khi thì bán một cặp. Để có

lợi nhuận cao, H1 mua lại với giá rẻ là 200.000 đồng/tròng kính và bán ra với giá 700.000 đồng/tròng kính.

Vật chứng của vụ án:

- 01 sợi dây chuyền vàng 18K trọng lượng 4,665 chỉ trị giá 19.043.000 đồng; 01 mặt dây chuyền hình rồng bằng vàng 18K trọng lượng 0,915 chỉ trị giá 3.735.000 đồng theo Kết luận định giá tài sản số 81-KV1/KLĐG-HĐĐGTS ngày 16/3/2023 của Hội đồng định giá trong Tổ tụng Hình sự thành phố T;

- 01 cặp tròng kính xe ô tô hiệu Mercedes, trị giá 7.067.000 đồng; 01 cặp tròng kính xe ô tô hiệu Volvo, trị giá 7.283.000 đồng theo Kết luận định giá tài sản số 91-KV1/KLĐG-HĐĐGTS ngày 23/3/2023 của Hội đồng định giá trong Tổ tụng Hình sự thành phố T.

- 01 (một) xe mô tô Wave màu đỏ đen biển số 60Y8 – 1985 thu giữ của Trần Ngọc P. Qua xác minh xe do chị Dương Thị Ngọc B đăng ký đứng tên, hiện nay chị B đã đi khỏi địa phương nên không làm việc được, Cơ quan Cảnh sát điều Công an thành phố T đề nghị chuyển đến Tòa án Nhân dân thành phố Thủ Đức để xử lý theo quy định của pháp luật.

Về phần dân sự:

Bà Nghiêm Mộng H3 không bị mất tài sản và không yêu cầu gì thêm nên không xem xét. Ông Võ Tuấn Anh V đã nhận lại một cặp tròng kính xe ô tô hiệu Mercedes; Ông Trần Anh T2 đã nhận lại một cặp tròng kính xe ô tô hiệu Volvo và không ai có yêu cầu gì thêm nên không xem xét.

Tại bản Cáo trạng số 54/CTr – VKS-TPTĐ ngày 19/01/2024, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức đã truy tố các bị cáo: Nguyễn Văn C về tội: “*Cướp giật tài sản*” theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 171 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 và tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; Bị cáo Trần Ngọc P về tội “*Cướp giật tài sản*” theo quy định tại điểm d, i khoản 2 Điều 171 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 và tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; Bị cáo Ngô Quang H1 về tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*” theo quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa:

Đại diện Viện kiểm sát Nhân dân thành phố Thủ Đức phát biểu ý kiến giữ nguyên quyết định truy tố các bị cáo Nguyễn Văn C về tội: “*Cướp giật tài sản*” theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 171 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 và tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; Bị cáo Trần Ngọc P về tội “*Cướp giật tài sản*” theo quy định tại điểm d, i khoản 2 Điều 171 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 và tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; Bị cáo Ngô Quang H1 về tội: “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*” theo quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Đồng thời áp dụng Điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015, đã được sửa đổi bổ sung năm 2017 đối với bị cáo C; Áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, đã được sửa đổi bổ sung năm 2017 đối với bị cáo P. Áp dụng điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 và Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015, đã được sửa đổi bổ sung năm 2017 đối với bị cáo H1.

Đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Văn C từ 05 năm đến 05 năm 06 tháng tù về tội: “*Cướp giật tài sản*” và từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù về tội: “*Trộm cắp tài sản*”. Tổng hợp hình phạt theo quy định.

Đề nghị xử phạt bị cáo Trần Ngọc P từ 06 năm đến 06 năm 06 tháng tù về tội: “*Cướp giật tài sản*” và từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù về tội: “*Trộm cắp tài sản*”. Tổng hợp hình phạt theo quy định.

Đề nghị xử phạt bị cáo Ngô Quang H1 từ 09 tháng tù đến 01 năm tù nhưng cho hưởng án treo, áp dụng thời gian thử thách theo quy định.

Về vật chứng: Đề nghị giao cơ quan Thi hành án dân sự Thành phố T cho đăng tải thông tin trên phương tiện thông tin đại chúng trong thời hạn 06 tháng để tìm chủ sở hữu hoặc người quản lý hợp pháp xe mô tô Wave màu đỏ đen biển số 60Y8 – 1985 do Trần Ngọc P sử dụng làm công cụ thực hiện hành vi phạm tội; Đối với số tiền các bị cáo C và P có được từ tiêu thụ tài sản do phạm tội mà có nên cần buộc bị cáo nộp lại sung vào ngân sách Nhà nước; Đối với 01 cặp tròng kính xe ô tô hiệu Lexus do Ngô Quang H1 giao nộp, hiện chưa tìm được bị hại. Giao cho Cơ quan điều tra đang tiếp tục xác minh làm rõ.

Người bào chữa cho bị cáo Ngô Quang H1 phát biểu ý kiến tranh luận: Thống nhất về tội danh như đại diện Viện kiểm sát đã truy tố, tuy nhiên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét việc bị cáo có nhận thức hạn chế, có công việc ổn định, có nơi cư trú rõ ràng, có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn khi vợ bị cáo đang phải điều trị ung thư, bị cáo là lao động chính trong gia đình. Ngoài ra bị cáo có ý thức sửa đổi bản thân, từ khi bị khởi tố đến nay không có vi phạm pháp luật gì.

- Bị cáo Nguyễn Văn C không tranh luận về hành vi phạm tội, bị cáo xin được giảm nhẹ hình phạt.

- Bị cáo Trần Ngọc P không tranh luận về hành vi phạm tội, bị cáo xin được giảm nhẹ hình phạt.

- Bị cáo Ngô Quang H1 không tranh luận bổ sung về hành vi phạm tội, bị cáo xin được giảm nhẹ hình phạt để chăm sóc vợ bệnh, nuôi các con nhỏ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa không có

ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng, các hành vi và quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung: Nguyễn Văn C, Trần Ngọc P vì muốn có tiền tiêu xài cá nhân nên khoảng 8 giờ 00 phút ngày 20/02/2023, tại trước nhà số A, N, khu phố C, phường A, thành phố Thủ Đức P điều khiển xe mô tô biển số 60Y8 – 1985 chở C cướp giật của bà Nghiêm Mộng H3 01 sợi dây chuyền vàng 18K trọng lượng 4,665 chỉ có mặt hình rồng bằng vàng 18K trọng lượng 0,915 chỉ, trị giá 22.778.000 đồng. Hành vi điều khiển xe mô tô ép sát và nhanh chóng giật tài sản của bị hại mà các bị cáo thực hiện có thể gây nguy hiểm đến tính mạng, sức khỏe của người bị giật tài sản cũng như của những người tham gia giao thông đã thỏa mãn đầy đủ các yếu tố cấu thành tội: “*Cướp giật tài sản*” thuộc trường hợp: “*Dùng thủ đoạn nguy hiểm*” tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm d khoản 2 Điều 17 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Riêng bị cáo P đã tái phạm theo Bản án số 46/HSST ngày 20/4/2018 của Tòa án Nhân dân Quận 9 (nay là thành phố T) chưa được xóa án tích mà lại tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý nên lần phạm tội này thuộc trường hợp: “*Tái phạm nguy hiểm*” được quy định tại điểm d, i khoản 2 Điều 17 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Ngoài ra, các bị cáo Nguyễn Văn C, Trần Ngọc P còn nhiều lần thực hiện hành vi lén lút trộm cắp 02 cặp tròng kính xe ô tô, cụ thể:

Lần thứ nhất: Vào ngày 13/02/2023, tại cột đèn số I đường B, khu phố A, phường T, thành phố T, P và C lén lút trộm cắp 02 tròng kính chiếu hậu xe ô tô hiệu Volvo màu đỏ biển số 51K - 029.15 của ông Trần Anh T2, trị giá 7.283.000 đồng;

Lần thứ hai: Vào khoảng 08 giờ 00 phút ngày 19/02/2023, tại trước nhà số A đường A, khu phố A, phường T, thành phố T, P và C đã lén lút trộm cắp 02 tròng kính chiếu hậu xe ô tô hiệu Mercedes màu trắng biển số 50LD - 133.47 của anh Võ Tuấn Anh V, trị giá 7.067.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản mà Nguyễn Văn C, Trần Ngọc P chiếm đoạt là 14.350.000 đồng nên bị cáo C đã phạm vào tội: “*Trộm cắp tài sản*” tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 17 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Riêng bị cáo P đã tái phạm nên lần phạm tội này thuộc trường hợp định khung tăng nặng: “*Tái phạm nguy hiểm*” được quy định tại điểm g khoản 2 Điều 17 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017

Bị cáo Ngô Quang H1 biết rõ gương chiếu hậu xe ô tô trên là do Trần Ngọc P phạm tội mà có nhưng vì lợi nhuận vẫn đồng ý tiêu thụ, thỏa mãn đầy đủ các yếu tố cấu thành tội: “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*” tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp xâm phạm đến khách thể là quyền sở hữu hợp pháp đối với tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, đã gây ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự xã hội tại địa phương. Vụ án có tính chất đồng phạm nhưng chỉ là đồng phạm giản đơn, bị cáo C và bị cáo P cùng nhau trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo H1 tham gia thực hiện hành vi tiêu thụ tài sản. Vì vậy cần phải xử lý các bị cáo tương xứng với tính

chất, hành vi và vai trò phạm tội của các bị cáo, nhằm đảm bảo tác dụng cải tạo, giáo dục riêng và răn đe, phòng ngừa chung cho xã hội.

Đối với những vụ trộm cắp tài sản do C và P khai đã thực hiện nhưng hiện nay chưa xác định được bị hại, Cơ quan Điều tra sẽ làm rõ xử lý sau.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ:

- *Về tình tiết tăng nặng:*

Bị cáo C phạm tội trộm cắp tài sản 02 lần trở lên, đây là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Đồng thời, bị cáo C có một tiền án chưa được xóa án tích theo Bản án số 172/HSST ngày 21/9/2011 của Tòa án Nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 03 năm 06 tháng tù về tội “*Tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy*”, do không chấp hành Quyết định thi hành án về phần án phí nên lần phạm tội này thuộc trường hợp tái phạm, đây là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Ngoài ra, Bị cáo C có nhân thân xấu đã bị xét xử nhiều lần nhưng không thay đổi bản thân, tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội thể hiện thái độ coi thường pháp luật.

Bị cáo P phạm tội trộm cắp tài sản 02 lần trở lên, đây là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Ngoài ra, Bị cáo P có nhân thân xấu đã bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc nhưng không thay đổi bản thân, tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội thể hiện thái độ coi thường pháp luật.

Bị cáo H1 phạm tội 02 lần trở lên quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Tuy nhiên, hai lần thực hiện hành vi phạm tội của bị cáo đều thuộc trường hợp ít nghiêm trọng.

- *Về tình tiết giảm nhẹ:* tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Tài sản đã thu hồi và trả lại bị hại là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Nên cần giảm một phần hình phạt mà lẽ ra các bị cáo phải chịu.

Riêng bị cáo H1 quá trình tố tụng đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Từ trước đến nay chưa phạm tội lần nào, lần phạm tội này thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; Tài sản đã thu hồi và trả lại bị hại. Đặc biệt bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn khi có vợ đang điều trị bệnh ung thư, có 03 người con, con nhỏ sinh năm 2007, bị cáo là lao động chính trong gia đình là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Bị cáo có công việc ổn định, có nơi cư trú rõ ràng thuận lợi để chính quyền địa phương giám sát, giáo dục cũng như cải tạo bị cáo nhằm mục đích giúp đỡ bị cáo sửa chữa sai lầm, trở thành công dân có ích cho xã hội. Do vậy, không cần thiết phải buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù giam như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát và người bào chữa là có cơ sở.

[4] Về xử lý vật chứng và trách nhiệm dân sự:

- Các bị hại đã nhận lại tài sản bị cướp giật nên không có yêu cầu nào khác nên không xem xét.

- Giao cơ quan Thi hành án dân sự Thành phố T cho đăng tải thông tin trên phương tiện thông tin đại chúng trong thời hạn 06 tháng để tìm chủ sở hữu hoặc người quản lý hợp pháp xe mô tô Wave màu đỏ đen biển số 60Y8 – 1985 do Trần Ngọc P sử dụng làm công cụ thực hiện hành vi phạm tội.

- Đối với số tiền 1.200.000 đồng các bị cáo C và P có được từ tiêu thụ tài sản do phạm tội mà có nên cần buộc bị cáo nộp lại sung vào ngân sách Nhà nước;

- Đối với 01 cặp tròng kính xe ô tô hiệu Lexus do Ngô Quang H1 giao nộp, hiện chưa tìm được bị hại, Cơ quan điều tra đang tiếp tục xác minh làm rõ.

[5] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự và án phí dân sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1- Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 171; Khoản 1 Điều 173; Điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điểm g, h khoản 1 Điều 52; Điều 38 và Điều 55 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tuyên bị cáo Nguyễn Văn C phạm tội: “*Cướp giật tài sản*” và tội: “*Trộm cắp tài sản*”.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn C: 05 (năm) năm 06 (sáu) tháng tù về tội: “*Cướp giật tài sản*” và 02 (hai) năm tù về tội: “*Trộm cắp tài sản*”. Tổng hợp hình phạt của hai tội là 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 21/02/2023.

2- Căn cứ điểm d, i khoản 2 Điều 171; Điểm g khoản 2 Điều 173; Điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 và Điều 55 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

- Xử phạt bị cáo Trần Ngọc P: 06 (sáu) năm tù về tội: “*Cướp giật tài sản*” và 03 (ba) năm tù về tội: “*Trộm cắp tài sản*”. Tổng hợp hình phạt của hai tội là 09 (chín) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 21/02/2023.

3- Căn cứ khoản 1 Điều 323; Điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điểm g khoản 1 Điều 52 và Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tuyên bố bị cáo Ngô Quang H1 phạm tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*”.

- Xử phạt bị cáo Ngô Quang H1: 01 năm tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 02 (hai) năm tính từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo Ngô Quang H1 cho Ủy ban nhân dân phường N, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật Thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình

sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

4- Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Buộc bị cáo Nguyễn Văn C nộp lại số tiền 600.000 đồng;

- Buộc bị cáo Trần Ngọc P nộp lại số tiền 600.000 đồng;

Giao cơ quan Thi hành án dân sự Thành phố T cho đăng tải thông tin trên phương tiện thông tin đại chúng trong thời hạn 06 tháng để tìm chủ sở hữu hoặc người quản lý hợp pháp xe mô tô Wave màu đỏ đen biển số 60Y8 – 1985 do Trần Ngọc P sử dụng làm công cụ thực hiện hành vi phạm tội. Hết thời hạn nêu trên, nếu không xác định được chủ sở hữu hoặc người quản lý hợp pháp thì tịch thu xe sung quỹ nhà nước.

(Theo phiếu nhập kho số NK 24/125C ngày 29/01/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh).

5- Áp dụng khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án để tính án phí Tòa án:

Bị cáo Nguyễn Văn C phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo Trần Ngọc P phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo Ngô Quang H1 phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

6- Về quyền kháng cáo: Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các bị cáo có quyền kháng cáo bản án. Người bị hại và Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, điều 7, Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

(Đã giải thích chế định án treo).

Nơi nhận:

- TAND TP . HCM;

TOÀ

- Sở Tư pháp TP . HCM;

- VKSND TP . Hồ Chí Minh;

- VKSND TP . Thủ Đức;

- Cơ quan CSĐT Công an TP . Thủ Đức;

- Nhà tạm giữ Công an TP . Thủ Đức;

- Cơ quan THA.HS Công an TP . Thủ Đức;

- Chi cục THA.DS thành phố Thủ Đức;

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN

- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: Hồ sơ, VT.

Đinh Khắc Hưng

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

THẨM PHÁN

